

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2023/DS-ST

Ngày: 30-8-2023.

“V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Trung Hiếu.
2. Bà Huỳnh Thị Diễm Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Phan Minh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Trong ngày 30/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2023/QĐXXST-DS ngày 27/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (gọi tắt là TMCP) Kiên Long.

Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng: Bà Trần Ngọc M, chức vụ Tổng Giám đốc. Địa chỉ: Số D, 42, 44, đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Ngọc M: Ông Ngô Văn Q, chức vụ Giám đốc – Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn Q: Ông Lê Hữu H. Chức vụ: Nhân viên tín dụng trả góp. Cùng địa chỉ: Số C, đường L, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1/ Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1999;

2/ Bà Đặng Thị L, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Tổ F, khóm E, Phường A, TP., tỉnh Đồng Tháp.

(Ông H có mặt tại phiên tòa; anh D và bà L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Lê Hữu H đại diện Ngân hàng TMCP K trình bày: Ngày 27/6/2019, anh Nguyễn Thanh D và bà Đặng Thị L có vay vốn tại Ngân hàng TMCP K theo hợp đồng tín dụng số AL05421/HĐTD-CC với những nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); Mục đích vay: Mua bán nhỏ; Thời hạn cho vay: 180 ngày; Ngày vay: 27/6/2019, ngày cuối HĐ: 24/12/2019; Loại hình tín dụng: Trả góp vốn và lãi vay theo định kỳ hàng ngày; Lãi suất cho vay: 16 %/năm; Lãi suất quá hạn (chậm trả): 150 % lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

- Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng tài sản là xe Honda Winner, biển số đăng ký: 66P2-080.83, do anh Nguyễn Thanh D đứng tên chủ sở hữu.

Trong quá trình vay vốn, anh D và bà L không thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP K theo đúng như thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết. Khi đến hạn thanh toán nợ, Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nợ, gọi điện đôn đốc, nhắc nhở anh D và bà L để thực hiện việc trả nợ, làm cam kết trả nợ, nhưng anh D và bà L không thực hiện đúng theo cam kết nào và hiện tại hợp đồng đã quá hạn thanh toán nhưng vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký.

Tạm tính đến ngày 23/3/2023, anh D và bà L còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Đ, số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc còn lại là 26.666.667 đồng; Lãi trong hạn là 2.104.110 đồng; Lãi quá hạn là 20.778.082 đồng. Tổng cộng là 49.548.859 đồng.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP K yêu cầu anh Nguyễn Thanh D và bà Đặng Thị L trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền gốc và lãi là 49.548.859 đồng theo hợp đồng tín dụng nêu trên và yêu cầu anh D và bà L trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng từ ngày 24/3/2023 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP K yêu cầu anh Nguyễn Thanh D và bà Đặng Thị L trả nợ cho Ngân hàng TMCP K tiền nợ gốc là 26.666.667 đồng, nợ lãi tính đến ngày 30/8/2023 là 25.687.672 đồng, tổng cộng là 52.354.339 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng theo hợp đồng.

Đối với hợp đồng cầm cố xe ngày 27/6/2019, anh D và bà L cầm cố và gửi giữ tại Ngân hàng, xe nhãn hiệu Honda Winner, biển số: 66P2-080.83, số máy KC26E1255961, số khung 2605KY001619 do anh Nguyễn Thanh D đứng tên, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập họp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Thanh D và bà Đặng Thị L nhưng anh D và bà L vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng

không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP K và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng. Bị đơn anh Nguyễn Thanh D và bà Đặng Thị L có địa chỉ tại Phường A, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Thanh D và bà Đặng Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh D và bà Đặng Thị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K yêu cầu anh Nguyễn Thanh D và bà Đặng Thị L trả nợ cho Ngân hàng TMCP K tiền vốn và lãi theo hợp đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP K yêu cầu anh Nguyễn Thanh D và bà Đặng Thị L trả nợ cho Ngân hàng TMCP K tiền nợ gốc là 26.666.667 đồng, nợ lãi tính đến ngày 30/8/2023 là 25.687.672 đồng, tổng cộng là 52.354.339 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng theo hợp đồng.

Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng cho vay số AL05421/HĐTD-CC ngày 27/6/2019 thì anh D và bà L ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng TMCP K vay số tiền 30.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua bán nhỏ; Thời hạn cho vay: 180 ngày; ngày cuối HĐ: 24/12/2019; Loại hình tín dụng: Trả góp vốn và lãi vay theo định kỳ hàng ngày; Lãi suất cho vay: 16%/năm; Lãi suất quá hạn (chậm trả): 150 % lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

Quá trình vay vốn, anh D và bà L không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo đúng như thỏa thuận đã ký kết, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở khi đến hạn thanh toán nợ nhưng anh D và bà L không thực hiện mặc dù đã có cam kết trả nợ. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, anh D và bà L còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc là 26.666.667 đồng, nợ lãi tính đến ngày 30/8/2023 là 25.687.672 đồng, tổng cộng là 52.354.339 đồng. Số tiền vay trên, Tòa án đã thông báo cho anh D và bà L biết; đồng thời có thông báo công khai chứng cứ cho anh D và bà

L nhưng anh D và bà L không có ý kiến về nội dung vụ án và vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, anh D và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các cam kết trong hợp đồng tín dụng, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K để buộc anh D và bà L có trách nhiệm trả số tiền còn nợ trên cho Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với hợp đồng, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với hợp đồng cầm cố xe ngày 27/6/2019, anh D và bà L cầm cố và gửi giữ tại Ngân hàng, xe nhãn hiệu Honda Winner, biển số: 66P2-080.83, số máy KC26E1255961, số khung 2605KY001619 do anh Nguyễn Thanh D đứng tên, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K nên anh D và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng TMCP K được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

Buộc anh Nguyễn Thanh D và bà Đặng Thị L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền vốn vay là 26.666.667 đồng, nợ lãi là 25.687.672 đồng, tổng cộng là 52.354.339 đồng.

Anh Nguyễn Thanh D và bà Đặng Thị L có nghĩa vụ tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng hợp đồng cho vay số AL05421/HĐTD-CC ngày 27/6/2019 kể từ ngày 31/8/2023 đến khi thanh toán hết nợ.

Đối với hợp đồng cầm cố xe ngày 27/6/2019, xe nhãn hiệu Honda Winner, biển số: 66P2-080.83, số máy KC26E1255961, số khung 2605KY001619 do anh Nguyễn Thanh D đứng tên, Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Anh Nguyễn Thanh D và bà Đặng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.618.000 đồng.

Ngân hàng TMCP K được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự là 1.239.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012302 ngày 12/5/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TP. Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh